

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày: 14-4-2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chữ Cần.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Xệt;

Ông Nguyễn Thanh Cần.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 49/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A, địa chỉ: KCN G, xã Ph, huyện L, tỉnh Đ, địa chỉ liên hệ: phòng 4.11, lầu 4, tòa nhà E, số 364 đường C, Phường X, quận T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Bính Khiêm, sinh năm 1976, địa chỉ: 11/15, Ng. phường X, quận G, Tp. H, là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày 25 tháng 11 năm 2021); có mặt.

- **Bị đơn:** Công ty TNHH Gõ H, địa chỉ: thửa đất số 252, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Feng Chang W, sinh năm 1977, địa chỉ: thửa đất số 252, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh B (theo văn bản uỷ quyền ngày 26/01/2022), có mặt;

Người phiên dịch cho ông F: Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1996, địa chỉ: thửa đất số 252, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH MTV Mỹ nghệ Đ, địa chỉ: thửa đất số 252, tờ bản đồ số 39, khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Bính Khiêm thống nhất trình bày:

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, Công ty TNHH A (gọi tắt là Công ty A) ký hợp đồng mua bán số DKA006/HONGDUONG/2020-01 với Công ty TNHH Gổ H (gọi tắt là Công ty H), để cung cấp các sản phẩm keo công nghiệp, chất xúc tác cho Công ty H. Theo hợp đồng, trong vòng 60 ngày tính từ ngày nhận hóa đơn, Công ty H phải thanh toán cho Công ty A bằng hình thức chuyển khoản. Trường hợp, Công ty H chậm thanh toán thì phải thanh toán thêm 0,1%/ngày trên số tiền chậm thanh toán.

Theo yêu cầu của Công ty Gổ H, Công ty A đã giao hàng và xuất các hóa đơn cho Công ty TNHH MTV Đ (gọi tắt là Công ty Đ) vì 02 Công ty có cùng một chủ sở hữu.

Tính từ ngày 10/7/2020 đến ngày 12/9/2020, Công ty A đã có 07 đợt giao hàng và xuất hóa đơn với tổng giá trị là 388.799.968 đồng. Cụ thể:

Hóa đơn số 0000202 ngày 10/7/2020 số tiền 28.799.998 đồng.

Hóa đơn số 0000474 ngày 21/7/2020 số tiền 71.999.994 đồng.

Hóa đơn số 0000780 ngày 03/8/2020 số tiền 71.999.994 đồng.

Hóa đơn số 0001155 ngày 17/8/2020 số tiền 71.999.994 đồng.

Hóa đơn số 0001504 ngày 29/8/2020 số tiền 71.999.994 đồng.

Hóa đơn số 0001817 ngày 11/9/2020 số tiền 28.799.998 đồng.

Hóa đơn số 0001848 ngày 12/9/2020 số tiền 43.199.996 đồng.

Công ty H đã xác nhận công nợ nêu trên theo yêu cầu ngày 30/11/2020 của Công ty A, đồng ý trả là còn nợ 388.799.968 đồng.

Ngày 08/01/2021, Công ty H đã thanh toán cho Công ty A thêm 50.000.000 đồng, còn nợ 338.799.968 đồng.

Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty H phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc 338.799.968 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 0,05%/ngày, tính đến ngày khởi kiện là 91.961.990 đồng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Feng Chang Wei trình bày:

Bị đơn Công ty H đồng ý thanh toán cho nguyên đơn Công ty A số tiền nợ gốc 338.799.968 đồng. Đối với số lãi chậm trả mà Công ty A yêu cầu thì Công ty H không đồng ý vì lãi suất quá cao, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Đ không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên toà sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy việc nguyên đơn Công ty A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty H phải trả số tiền còn thiếu, xuất phát từ việc mua bán keo công nghiệp, chất xúc tác dùng trong sản xuất đồ gỗ, đây là vụ án kinh doanh thương mại: “Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa”. Bị đơn có trụ sở, nơi cư trú tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên theo khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[2] Về nợ gốc: Xét nguyên đơn Công ty A yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 338.799.968 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 24/01/2022, mức lãi suất là 0,05%/ngày là 78.579.392 đồng theo Bảng chi tiết công nợ ngày 30-11-2020. Ngày 24-02-2022, Tòa án tiến hành hòa giải, bị đơn đã thừa nhận nợ 338.799.968 đồng, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng theo thỏa thuận. Như vậy, Công ty H đã nhận hàng nhưng không thanh toán tiền hàng là vi phạm thỏa thuận do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty H thanh toán cho Công ty A số tiền 338.799.968 đồng.

[3] Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ: Công ty H đã không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho Công ty A nên phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả cho Công ty A theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Tại phiên tòa, Công ty A yêu cầu Công ty H phải thanh toán tiền lãi trên khoản nợ còn lại từ ngày 21/7/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 14/4/2022 với mức lãi suất là 0,05%/ngày (tương ứng 1,5%/tháng). Tại thời điểm xét xử (ngày 14/4/2022) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,125%/năm, tương đương 1,177%/tháng (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 13,875%/năm, tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín là 15%/năm, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là 13,5%/năm). Xét thấy, lãi suất của tiền lãi chậm trả mà Công ty A yêu cầu Công ty H là cao hơn mức lãi

suất quá hạn trung bình trên thị trường nên không chấp nhận lãi suất tiền lãi chậm trả mà Công ty A yêu cầu. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 306 Luật Thương mại 2005, áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 14,125%/năm, tương đương 1,177%/tháng để buộc bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với mức lãi suất chậm trả là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50, 55, 301, 306 Luật Thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH A về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Gổ H.

Buộc Công ty TNHH Gổ H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A tổng số tiền 409.946.864 đồng, trong đó nợ gốc là 338.799.968 đồng, tiền lãi chậm trả là 71.146.896 đồng

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí:

Buộc Công ty TNHH Gổ H phải chịu 20.395.000 đồng (Hai mươi triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Buộc Công ty TNHH A phải chịu 1.040.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005642 ngày 20-12-2021 của Chi cục Thi

hành án dân sự thị xã Tân Uyên; trả lại cho Công ty TNHH A 11.911.000 đồng (mười một triệu chín trăm năm mươi một nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chữ Cần